

Bản án số: 81/2024/DS-PT

Ngày 08/4/2024

V/v *Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha

Bà Đặng Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T (T), sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Dương Thị H, sinh năm: 1955. Theo giấy uỷ quyền ngày 25/11/2021 (có mặt)

Địa chỉ: A Bà T, Phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Võ Thị Tuyết M, sinh năm: 1984; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bà Võ Thị Tuyết M - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là bà

Dương Thị H trình bày: Nguyên trước đây bà **T** có làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá thi hành bản án sơ thẩm số 64/2019/DSST ngày 22/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá về việc buộc ông **Trần Thanh V**, bà **Trần Thị Kim X** (địa chỉ: **Số H N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang**) phải trả cho bà **T** số tiền 4.105.000.000 đồng. Sau đó ông **V**, bà **X** có trả được 370.000.000 đồng, còn lại 3.735.000.000 đồng.

Ngày 01/6/2020 Chi cục thi hành án thành phố Rạch Giá có quyết định số 39/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản là nhà và đất của ông **V**, bà **X** đang đứng tên sở hữu tọa lạc tại L42, căn 09, **đường số A, khu dân cư A, P. A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang**.

Ngày 05/6/2020 Chi cục thi hành án dân sự có Thông báo số 370/TB-THADS về việc tài sản bị cưỡng chế có tranh chấp, Thông báo cho bà **Võ Thị Tuyết M** có quyền khởi kiện tranh chấp với tài sản bị cưỡng chế vì căn nhà này ông **V**, bà **X** chuyển nhượng cho bà **Võ Thị Tuyết M**, do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá ngăn chặn theo đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà **T** nên ông **V**, bà **X** không thể ký Hợp đồng chuyển nhượng cho bà **M** được.

Tháng 6/2020 bà **M** khởi kiện vợ chồng ông **V**, bà **X** để tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Toà án **thành phố R** thụ lý hồ sơ số 144 ngày 29/6/2020. Trong vụ kiện này bà **T** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập để huỷ Hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất giữa vợ chồng ông **V**, bà **X** với bà **M**. Sau nhiều lần hoà giải cũng như mở phiên toà xét xử, do thấy vụ kiện kéo dài mất thời gian vì bà **T** bận nhiều công việc và cũng tạo điều kiện cho bà **M** ký được hợp đồng, nên ngày 21/01/2021 bà **M** và bà **T** có thống nhất lập Biên bản thoả thuận và cam kết với nội dung như sau:

*“- Bà **M** đồng ý hỗ trợ cho bà **T** số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Ngày 21/01/2021 bà **M** hỗ trợ 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), lần thứ hai thời gian 45 ngày kể từ ngày bản án của Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá có hiệu lực pháp luật, bà **M** sẽ hỗ trợ cho bà **T** 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng).*

*- Bà **T** cam kết sau khi nhận 120.000.000 đồng sẽ làm đơn rút đơn yêu cầu khởi kiện và rút đơn ngăn chặn kê biên tài sản của ông **V**, bà **X** tại **Lô L - 09, đường A, khu dân cư phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang**, để bà **M** làm thủ tục sang tên chủ quyền từ ông **V**, bà **X** cho bà **M**.”*

Ngày 21/01/2021 sau khi nhận số tiền 120.000.000 đồng của bà **M** thì bà **T** có làm đơn rút đơn khởi kiện và rút đơn ngăn chặn kê biên tài sản. Ngày 02/2/2021 Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử vụ kiện theo bản án số 10/2021/DS-

ST giải quyết thì Toà án đã tuyên đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T, đồng thời công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng ông Trần Thanh V, bà Trần Thị Kim X1 với bà Võ Thị Tuyết M vì vợ chồng ông V, bà X với bà M thống nhất tiếp tục chuyển nhượng và phía bà T đã rút đơn yêu cầu độc lập không còn tranh chấp đối với nhà và đất tọa lạc tại L42, căn 09, đường số A, khu dân cư A, P. A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Bản án không có kháng cáo, kháng nghị và đã có hiệu lực pháp luật. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà M và vợ chồng ông V, bà X đã đến Văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng và bà M đã làm thủ tục sang tên chủ quyền đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với tài sản tranh chấp nêu trên.

Tuy nhiên, sau đó bà T đã nhiều lần yêu cầu bà M thanh toán số tiền 380.000.000 đồng còn lại theo Biên bản thoả thuận và cam kết ngày 21/01/2021 giữa các bên nhưng bà M không thực hiện nên các bên phát sinh tranh chấp.

Chồng bà M tên Danh T1, hiện nay đang sống cùng bà M tại địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Việc bà M và ông T1 chung sống có đăng ký kết hôn hay không thì bà không biết. Những nội dung theo Biên bản thoả thuận và cam kết ngày 21/01/2021 là thoả thuận giữa bà T với bà Võ Thị Tuyết M, không có mặt ông T1, ông T1 không biết và không liên quan nên bà T không có yêu cầu ông T1 cùng chịu trách nhiệm trả khoản tiền 380.000.000 đồng với bà M. Yêu cầu Toà án không đưa ông T1 vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ông Trần Thanh V và bà Trần Thị Kim X không biết gì về nội dung Biên bản thoả thuận và cam kết ngày 21/01/2021 giữa bà T và bà M và cũng không tham gia ký kết vào Biên bản thoả thuận và cam kết ngày 21/01/2021. Do đó, bà T yêu cầu Toá án không đưa ông V, bà X vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Chữ ký và chữ viết mang tên Võ Thị Tuyết M trong Biên bản thoả thuận và cam kết ngày 21/01/2021 là do bà Võ Thị Tuyết M viết và ký tên. Còn chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị T trong Biên bản thoả thuận và cam kết ngày 21/01/2021 là do bà Nguyễn Thị Thanh v và ký tên.

Bà T cam kết trước pháp luật chữ ký và chữ viết mang tên Võ Thị Tuyết M trong Biên bản thoả thuận và cam kết ngày 21/01/2021 của bà M viết và ký tên.

Nay tại Toà án bà H yêu cầu:

Yêu cầu bà Võ Thị Tuyết M phải trả cho bà T số tiền 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng) còn lại theo Biên bản thoả thuận và cam kết ngày 21/01/2021 vì những nghĩa vụ bà T cam kết trong Biên bản thoả thuận và cam kết

ngày 21/01/2021 bà **T** đã thực hiện xong, nhưng bà **M** chưa thực hiện việc giao tiền đầy đủ cho bà **T** là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Không yêu cầu tính lãi.

Yêu cầu Toà án không đưa ông **Danh T1** vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì cam kết ngày 21/01/2021 là thoả thuận giữa bà **T** với bà **Võ Thị Tuyết M**, không có mặt ông **T1**, ông **T1** không biết và không liên quan.

Yêu cầu Toá án không đưa ông **V**, bà **X** vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì ông **V**, bà **X** không biết gì về nội dung Biên bản thoả thuận và cam kết ngày 21/01/2021 giữa bà **T** và bà **M**. Biên bản thoả thuận và cam kết ngày 21/01/2021 là do bà **T** và bà **M** tự nguyện ký kết với nhau. Ông **V**, bà **X** không biết và cũng không tham gia ký kết vào biên bản thoả thuận và cam kết ngày 21/01/2021.

Ngoài ra, bà **T** không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Võ Thị Tuyết M: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập bà **M** đến Tòa án để lấy lời khai triệu, cũng như tập bà **M** tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng bà **M** đều không có mặt và không có lời trình bày.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T**.

- Buộc bà **Võ Thị Tuyết M** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Đơn kháng cáo ngày 15/12/2023 bị đơn bà **Võ Thị Tuyết M** kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà **M**, Hội đồng xét xử xét tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía bà **M** thừa nhận có ký biên bản thỏa thuận và cam kết ngày 21/01/2021 nhưng bà cho rằng đây là số tiền hỗ trợ và do bị ép buộc, nhưng bà cũng thừa nhận khi ký biên bản có sự chứng kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Xét về hình thức giao dịch thỏa thuận giữa các bên không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và không trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba. Phần cuối biên bản có thể hiện nội dung: "*Biên bản thỏa thuận và cam kết do hai bên tự nguyện, không có sự ép buộc hay đe dọa của bất cứ ai, hai bên cam kết cùng thực hiện theo thỏa thuận*" (bút lục 65b). Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào sự thỏa thuận này để buộc bên bà **M** có nghĩa vụ thanh toán tiền hỗ trợ 380.000.000 đồng cho bà **T** là hoàn toàn phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ và quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự 2015. Phía bà **M** kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới để chứng minh nên không có cơ sở pháp lý để chấp nhận.

Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà **M**, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về việc bác nội dung kháng cáo của bà **M** và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía bà **M** phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn **Võ Thị Tuyết M.**

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 116, 117, 274, , khoản 1 Điều 280, Điều 385, 472 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T.**

2. Buộc bà **Võ Thị Tuyết M** có nghĩa vụ hỗ trợ cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà **M** phải chịu nộp tiền án phí giá ngạch là 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng).

Nguyên đơn bà **T** không phải chịu nộp tiền án phí. Hoàn trả cho bà **T** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 9.500.000 đồng theo biên lai thu số 0001801 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà **M** phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà **M** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003687 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Tân Hiệp;
- CCTHADS huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn

	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM	
Thẩm phán	Thẩm phán	Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

L

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Tp. Rạch Giá;
- CCTHADS Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Lâm S

